

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2018/DS-ST
Ngày: 06/9/ 2018
V/v tranh chấp “*Hợp đồng
góp hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm.

2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Mai Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T (D), sinh năm 1950 (Có mặt).

Cư trú: Số 492, tổ 20, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn:

+ Bà Bùi Thị Huỳnh H, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

+ Ông Ngô Hòa S, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Số 387, tổ 18, ấp T 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Vào ngày 16/6âl/2013, bà có tham gia dây hội 10.000.000đ, mỗi tháng khai một lần, gồm 26 hội viên, do bà Bùi Thị Huỳnh H làm chủ hội. Đến ngày 16/7âl/2017 thì hội mãn, bà hốt hội chót được tổng cộng số tiền 248.500.000đ, nhưng bà H không giao tiền hội cho bà, bà có yêu cầu bà H giao tiền hội nhiều lần nhưng bà H chỉ giao được 05 lần tổng cộng 49.000.000đ (lần 1: Ngày 17/10/2015 trả 20.000.000đ; lần 2: Không nhớ ngày tháng năm trả 14.000.000đ; lần 3: Ngày 07/12/2015 trả 5.000.000đ; lần 4: Ngày 05/01/2016 trả 5.000.000đ; lần 5: Ngày 17/3/2016 trả 5.000.000đ) thì ngưng cho đến nay. Trong quá trình gom tiền hội thì ông Ngô Hòa S (chồng bà H) là người trực tiếp đi gom tiền hội viên. Nay bà yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S có nghĩa vụ liên đới trả bà số tiền hội còn nợ là 199.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ngày 05/6/2018 đối với bà Bùi Thị Huỳnh H trình bày: Bà là vợ ông S, hiện nay ông bà vẫn còn chung sống với nhau. Bà biết việc chồng bà có làm chủ dây hội 10.000.000đ, bà D (Phan Thị T) có tham gia 01 phần và hốt chót được số tiền 248.500.000đ, nhưng khi hốt thì chưa giao tiền, sau này có trả dần nhiều lần được số tiền 49.000.000đ và hiện còn nợ bà D (T) số tiền 199.500.000đ. Bà cũng đồng ý cùng ông S trả số tiền này cho bà T nhưng hoàn cảnh khó khăn yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Phan Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất nhưng bà H, ông S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 29/12/2017, bà Phan Thị T khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S trả một lần dứt điểm số tiền hội còn nợ 199.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Bà T trình bày: Ngày 16/6âl/2013, bà tham gia 01 chân hội 10.000.000 đồng/tháng, gồm 26 hội viên do bà Bùi Thị Huỳnh H làm chủ, hội mãn ngày 16/7âl/2017, bà hốt chót với số tiền 248.500.000 đồng (đã trừ huê hồng 11.500.000 đồng), bà H, ông Ngô Hòa S giao cho bà nhiều lần số tiền 49.000.000 đồng (ngày 17/10/2015 giao 20.000.000 đồng, ngày 07/12/2016 giao 5.000.000 đồng, ngày 05/01/2016 chuyển khoản 5.000.000 đồng, ngày 17/3/2016 chuyển khoản 5.000.000 đồng và một lần không nhớ ngày, tháng, năm giao 14.000.000 đồng), quá trình chơi hội, ông S là người đi gom tiền hội.

Phía bà H thừa nhận bà T có tham gia góp hội của ông S, đồng ý liên đới cùng ông S trả cho bà T 199.500.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả

dần 500.000 đồng/tháng đến khi dứt nợ. Ông S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không gửi văn bản ghi nhận ý kiến.

Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là danh sách hội ngày 16/6âl/2013 và bà H thừa nhận bà T có tham gia góp hội và hốt hội như bà T trình bày. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo kỳ hạn nên bà T khởi kiện yêu cầu trả 199.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với, ông S là người trực tiếp gom tiền hội, số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên việc bà T yêu cầu ông S liên đới cùng bà H trả 199.500.000 đồng là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất, do bà T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phan Thị T khởi kiện bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S. Bà H, ông S có nơi cư trú ấp T 1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Bị đơn bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông S là có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T yêu cầu bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ hội 199.500.000đ. Bà T cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là danh sách hội ngày 16/6âl/2013, trong danh sách này có tên Cô D (là tên thường gọi của bà T). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập bà H, ông S tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông S vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xác minh lời khai của bà H là bị đơn trong vụ án thì bà biết việc chồng bà có làm chủ hội và còn nợ hội bà T số tiền 248.500.000đ, có trả dần nhiều lần được số tiền 49.000.000đ và hiện còn nợ bà D (T) số tiền 199.500.000đ, bà cũng đồng ý cùng ông S trả cho bà T số tiền này, điều này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có đủ cơ sở để xác

định các bên đã xác lập hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội và việc bà H, ông S đã nợ của bà T tổng số tiền 248.500.000đ, đã trả 49.000.000đ, hiện còn nợ 199.500.000đ là có thật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Do phía bà H, ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Nay bà T khởi kiện là có cơ sở.

[4] Về lãi suất, do bà T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ của bà H. Xét thấy, số nợ này đã lâu nay lại yêu cầu trả dần làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T và tại phiên tòa hôm nay yêu cầu này cũng không được phía nguyên đơn đồng ý. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[6] Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền hụi còn nợ 199.500.000đ.

[7] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu của bà Phan Thị T được chấp nhận nên bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227 **và Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều **471** của **Bộ luật dân sự 2015**;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T đối bà Bùi Thị Huỳnh H, ông Ngô Hòa S.

+ Buộc bà Bùi Thị Huỳnh H và ông Ngô Hòa S có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T số tiền hụi còn nợ tổng cộng 199.500.000 (**Một trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn**) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 9.975.000 (Chín triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng bà Bùi Thị Huỳnh H và ông Ngô Hòa S phải chịu.

Do bà Phan Thị T là người cao tuổi (trên 60 tuổi) có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận nên không phải hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Thư

